

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số:113/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị Hồng N**, sinh năm 1987

HKTT: Khu 3, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nơi ở hiện nay: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: **Anh Dương Quý Đ**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 3, xã H, huyện T, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Phạm Thị Hồng N và anh Dương Quý Đ

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*Về con chung:* Giao con chung cho thành niên là Dương Phạm Anh T, sinh ngày 25/11/2017 cho chị Phạm Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T khôn lớn trưởng thành lao động tự túc được. Anh Dương Quý Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N tự nguyện không yêu cầu. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung, tài sản riêng; Về nợ và cho vay nợ:* Chị N và anh Đ đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về công sức đóng góp:* Chị N và anh Đ không yêu cầu.

*Về án phí:* Chị Phạm Thị Hồng N tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0002667 ngày 05/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị N số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- UBND xã H
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Đinh Thị Thu Huyền**